

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-PT
Ngày 27-3-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thanh Vân

Ông Cao Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2019/TLPT-DS ngày 18 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 521/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1032/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; trụ sở: Số 2, LH, phường TC, quận BD, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch Hội đồng thành viên;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Quốc H - Giám đốc Chi nhánh NA, thuộc Ngân hàng N (theo văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19 tháng 6 năm 2014); có mặt.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn Q; nơi cư trú: Thôn DT, xã TD, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Sỹ H1; nơi cư trú: TP 2, phường VĐ, quận KA, thành phố Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền ngày 14 tháng 8 năm 2018); vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Bùi Thị Thùy L - Luật sư Văn phòng L - Đoàn Luật sư Thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị M; nơi cư trú: Thôn DT, xã TD, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Ông Đỗ Văn Ch; nơi cư trú: T2, xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Bùi Văn Q là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng số 2118-061962710, mã số là 2118-LAV201001673 ngày 30 tháng 12 năm 2010, thì ông Bùi Văn Q vay của Ngân hàng N - Chi nhánh NA (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), mục đích vay để xây nhà ở, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2010, lãi suất trong hạn tại thời điểm vay 21,6%/năm. Ngoài ra, trong hợp đồng tín dụng còn quy định về lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận.

Để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả vốn vay và các chi phí liên quan phát sinh theo hợp đồng nói trên, vợ chồng ông Bùi Văn Q, bà Bùi Thị M đã ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp tài sản số 97 ngày 28 tháng 12 năm 2010, tài sản thế chấp là 705 m² đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 69, 70A tờ bản đồ số 30, thôn Dương Tiên, xã Trần Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 389384 ngày 01 tháng 10 năm 1997 mang tên chủ sử dụng Bùi Văn Q. Hợp đồng thế chấp tài sản được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vĩnh Bảo.

Nguyên đơn là Ngân hàng N trình bày: Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên Ngân hàng đã giải ngân cho bên vay số tiền là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng theo Giấy lĩnh tiền mặt ngày 30 tháng 12 năm 2010. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng. Mặc dù đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho ông Q thanh toán nợ nhưng ông Q vẫn cố tình trì hoãn không chịu trả nợ cho Ngân hàng. Để đảm bảo thu hồi vốn vay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

1. Ông Q phải trả toàn bộ số tiền còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 2118-061962710 ngày 30 tháng 12 năm 2010 tính đến ngày 26 tháng 11 năm 2018 với tổng số tiền là 831.250.000 đồng (tám trăm ba mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó: Nợ gốc: 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn:

396.500.000 đồng, lãi quá hạn: 134.750.000 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 27 tháng 11 năm 2018 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ trên.

2. Trong trường hợp ông Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tuyên phát mại toàn bộ tài sản thế chấp của Hợp đồng thế chấp tài sản số 97 ngày 28 tháng 12 năm 2010.

Bị đơn là ông Bùi Văn Q trình bày: Ông xác nhận ngày 30 tháng 12 năm 2010, ông có ký vào Hợp đồng tín dụng số 2118- 061962710 vay Ngân hàng số tiền là 300.000.000 đồng và vợ chồng ông có ký vào Hợp đồng thế chấp tài sản số 97 ngày 28 tháng 12 năm 2010, tài sản thế chấp là 705 m² đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 69, 70A tờ bản đồ số 30, thôn Dương Tiền, xã Trần Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng nhưng ông không phải là người sử dụng số tiền này mà chỉ là người cho ông Đỗ Văn Ch mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà mình để làm thủ tục vay tiền tại Ngân hàng. Đối với đơn yêu cầu đăng ký thế chấp, tài sản gắn liền với đất ngày 28 tháng 12 năm 2010 và Biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm ngày 28 tháng 12 năm 2010 thì ông không nhớ có ký hay không. Nay, Ngân hàng yêu cầu ông phải trả số nợ trên ông không đồng ý vì ông không phải là người sử dụng tiền vay và đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng thế chấp tài sản số 97 ngày 28 tháng 12 năm 2010 và Hợp đồng tín dụng số 2118- 061962710 ngày 30 tháng 12 năm 2010 là vô hiệu toàn phần và giải quyết hậu quả giao dịch dân sự vô hiệu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Văn Ch trình bày: Giữa ông và vợ chồng ông Q, bà M không có họ hàng thân thích gì và cũng không nhờ vợ chồng ông Q, bà M vay tiền hộ. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Q, bà M phải trả các khoản vay đối với Ngân hàng đó là việc của Ngân hàng với vợ chồng ông Q, bà M chứ không liên quan gì tới ông, việc ông Q bảo vợ chồng ông nợ vợ chồng ông Q là quyền của ông Q, ông Q phải chứng minh.

Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 16 Điều 4 và khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 4 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ vào các điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 471, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; Điều 227, 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Buộc ông Bùi Văn Q phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 2118-061962710 ngày 30 tháng 12 năm 2010 với tổng số tiền tính đến ngày 26 tháng 11 năm 2018 là 831.250.000 đồng (tám trăm ba mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó: Nợ gốc: 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 396.500.000 đồng, lãi quá hạn: 134.750.000 đồng.

Kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2018, ông Bùi Văn Q tiếp tục phải chịu lãi đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2118-061962710 ngày 30 tháng 12 năm 2010, cho đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

2. Nếu ông Bùi Văn Q không trả được hoặc trả không đầy đủ khoản nợ nêu trên; bà M không trả thay ông Q số nợ nêu trên thì sẽ phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng 705m² đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 69, 70A tờ bản đồ số 30, thôn Dương Tiền, xã Trấn Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K389384 ngày 01 tháng 10 năm 1997 mang tên chủ sử dụng Bùi Văn Q theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 97 ngày 28 tháng 12 năm 2010 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp số tiền phát mại thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Bùi Văn Q phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả xong khoản vay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền lãi, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ông Bùi Văn Q kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bùi Văn Q trình bày: Đối với hợp đồng tín dụng thì không có ý kiến gì, vì tình ngay lý gian, các tài liệu trong hồ sơ đều thể hiện ông Q có vay tiền của Ngân hàng. Đối với hợp đồng thế chấp thì cần phải xem xét tính hợp pháp của hợp đồng. Về diện tích đất: Diện tích đất là của bố mẹ ông Q chưa cho ông Q do vậy việc Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Q là chưa phù hợp. Về tài sản trên đất thì không phải của vợ chồng ông Q mà còn có công sức của các con ông Q. Về hình thức hợp đồng thế chấp không được chứng thực, ông Q chỉ ký vào trang cuối của hợp đồng còn các trang khác không ký, các trang của hợp đồng

không có dấu giáp lai . Như vậy hợp đồng thế chấp vi phạm Điều 342, Điều 343 của Bộ luật Dân sự năm 2005, nên hợp đồng thế chấp bị vô hiệu . Hơn nữa, như trên đã nói thì diện tích đất là của bố mẹ ông Q, khi giải quyết cấp sơ thẩm không đưa các anh chị em của ông Q tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hiện nay các chị của ông Q đã có đơn khởi kiện chia thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K389384 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 01 tháng 10 năm 1997 mang tên chủ sử dụng Bùi Văn Q. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại thì mới giải quyết triệt để và toàn diện vụ án.

Ông Bùi Văn Q, bà Bùi Thị M thống nhất trình bày: Thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tuy nhiên ông bà không phải là người nhận tiền và sử dụng tiền . Việc làm hợp đồng là hoàn toàn làm dịch vụ do Ngân hàng với ông Đỗ Văn Ch. Ông bà đề nghị chuyển hồ sơ sang cơ quan Công an để làm rõ ai là người nhận tiền, ai là người sử dụng tiền.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày : Ông Bùi Văn Q là người trực tiếp ký vào hợp đồng tín dụng , ông Q và bà M cùng ký vào hợp đồng thế chấp. Ông Q trực tiếp nhận tiền và ký vào Giấy lĩnh tiền mặt, Bảng kê tiền mặt. Về nguyên tắc của Ngân hàng thì Ngân hàng chỉ giao tiền cho người ký hợp đồng tín dụng và khi nhận tiền người này còn phải xuất trình chứng minh thư nhân dân . Khi ông Q có giấy đề xuất vay tiền và kiểm tra thì thấy ông Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ngân hàng làm thủ tục cho vay , Ngân hàng không có trách nhiệm phải xác định nguồn gốc đất vì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của Ủy ban nhân dân . Hơn nữa hợp đồng thế chấp đã được đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền . Vì vậy đề nghị tòa án phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung:

- Xét thấy hợp đồng tín dụng trên được giao kết giữa Ngân hàng với ông Q đã thể hiện ý chí tự nguyện, thỏa thuận giữa hai bên. Nội dung, hình thức của hợp đồng đều phù hợp theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận. Đồng thời, giữa Ngân hàng với ông Q đã nhiều lần thỏa thuận, hòa giải với nhau và đã được Ngân hàng đôn đốc nhiều lần nhưng ông Q vẫn không thực hiện nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Q phải thanh toán tổng số tiền là 831.250.000 đồng trong đó nợ gốc: 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 396.500.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 134.750.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

- Xét Hợp đồng thế chấp tài sản số 97 ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa Ngân hàng với ông Q và bà M được ký kết với người có thẩm quyền, theo trình tự,

thủ tục của Ngân hàng và được đăng ký giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực. Theo đó, ông Q, bà M đã dùng tài sản là quyền sử dụng diện tích 705m² và tài sản gắn liền trên đất tại thửa 69, 70a; tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại thôn Dương Tiền, xã Trấn Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng đã được cấp Giấy chứng nhận mang tên ông Bùi Văn Q để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ. Nay, ông Q không thanh toán nợ nên Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản để thanh toán nghĩa vụ trả nợ là đúng quy định.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Q. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm ông Q xuất trình Đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, đề nghị Hội đồng xét xử xét giảm án phí dân sự sơ thẩm cho ông Bùi Văn Q và căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa Bản án sơ thẩm số 09 ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự, ý kiến của luật sư, quan điểm của Viện Kiểm sát tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Q vắng mặt không có lý do nhưng ông Q có mặt đồng thời ông Q có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có mặt tại phiên tòa nên vẫn đảm bảo quyền lợi cho ông Q, hơn nữa phiên tòa được mở lần thứ ba, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lương Sỹ H1.

[3] Xét Hợp đồng tín dụng số 2118-061962710 ngày 30 tháng 12 năm 2010: Ông Q thừa nhận là người ký vào hợp đồng tín dụng nêu trên, ký vào Giấy lĩnh tiền mặt và Bảng kê tiền mặt ngày 30 tháng 12 năm 2010. Về hình thức và nội dung của hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định tại Điều 471, khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng, khoản 2 Điều 11 của Quyết định số 20/2014/VBHN-NHNN ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do vậy, Hợp đồng tín dụng số 2118-061962710 ngày 30 tháng 12 năm 2010 có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện theo hợp đồng. Ngân hàng đã giải ngân và chứng minh bằng việc ông Q đã ký vào Giấy lĩnh tiền mặt và Bảng kê tiền mặt. Theo ông Q trình bày ông không phải là người sử dụng số tiền này mà ông cho ông Ch mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền nhưng trên hợp đồng tín dụng, Giấy lĩnh tiền mặt và Bảng kê tiền mặt ngày 30 tháng 12 năm 2010 là chữ ký của ông Q nên ông Q phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng còn quan hệ giữa ông Q và ông Ch thuộc về quan hệ pháp luật khác, ông Q có quyền khởi kiện ông Ch bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Xét hợp đồng thế chấp : Hợp đồng thế chấp tài sản số 97 ngày 28 tháng 12 năm 2010 được dùng bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 2118-061962710 có tài sản là 705m² đất tại thôn Dương Tiên , xã Trần Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng , tài sản này đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K389384 ngày 01 tháng 10 năm 1997 mang tên ông Bùi Văn Q. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Q cho rằng tài sản thế chấp là của bố mẹ ông Q chưa cho ông Q, hợp đồng thế chấp chưa tuân thủ quy định pháp luật nên vô hiệu. Xét: Tài sản ông Q mang thế chấp đã được ông Q kê khai đứng tên trên hồ sơ quản lý đất đai tại địa phương từ năm 1993 (thời điểm này bố mẹ ông Q đều còn sống), năm 1997 ông Q kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thời điểm này địa phương làm đại trà), anh chị em của ông Q đa phần đều ở cùng xã nên buộc phải biết việc ông Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không ai có ý kiến gì. Nếu thực sự ông Q chưa được bố mẹ cho mà đã tự ý kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Q phải tự chịu trách nhiệm về hành vi không trung thực của mình. Ngân hàng không thể biết được việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân là đúng hay sai. Căn cứ quy định tại Điều 133 của Bộ luật dân sự năm 2015 cần bảo vệ quyền lợi cho người thứ ba ngay tình. Về hình thức hợp đồng thế chấp có một số vi phạm nhưng chỉ là vi phạm nhỏ không làm thay đổi bản chất của sự việc, hợp đồng đã được Ủy ban nhân dân xã chứng thực, được cơ quan có thẩm quyền đăng ký thế chấp. Ông Q và bà M là người nhận thức và làm chủ được hành vi của mình thừa nhận có ký vào hợp đồng thế chấp tài sản, tài sản thế chấp là tài sản của vợ chồng ông Q bà M, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Như vậy, hợp đồng thế chấp tuân thủ quy định tại Điều 122, Điều 715 của Bộ luật dân sự 2005, khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai 2013 nên Hợp đồng thế chấp tài sản số 97 ngày 28 tháng 12 năm 2010 có hiệu lực pháp luật, vợ chồng ông Q, bà M phải thực hiện các thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên. Nếu ông Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ và bà M không trả thay ông Q khoản tiền còn nợ ngân hàng của hợp đồng tín dụng nêu trên thì cần tuyên bố phát mại tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ cho ngân hàng.

[5] Như vậy, Bản án sơ thẩm quyết định ông Bùi Văn Q phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 26 tháng 11 năm 2018 là 831.250.000 đồng (tám trăm ba mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó: Nợ gốc: 300.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 396.500.000 đồng; lãi quá hạn: 134.750.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, về phần tuyên lãi suất chậm thi hành án của bản án sơ thẩm chưa chính xác nên cần sửa lại phần tuyên lãi suất chậm thi hành án của bản án sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Bùi Văn Q xin giảm án phí và xuất trình Đơn đề nghị xác nhận hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Trần Dương, căn cứ khoản 1 Điều 13 của Bộ luật Tố tụng dân sự miễn cho ông Bùi Văn Q 50% án phí dân sự sơ thẩm. Do bản án sơ thẩm bị sửa nên ông Bùi Văn Q không phải chịu phí dân sự phúc thẩm.

[7] Từ phân tích trên, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự sơ thẩm về phần tuyên lãi suất chậm thi hành án và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 16 Điều 4 và khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 4 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ vào Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 313, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn Q.

Sửa một phần B án án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng về phần tuyên lãi suất chậm thi hành án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Bùi Văn Q phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc và tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 2118-061962710 ngày 30 tháng 12 năm 2010 với tổng số tiền tính đến ngày 26 tháng 11 năm 2018 là 831.250.000 đồng (tám trăm ba mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó: Nợ gốc: 300.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 396.500.000 đồng; lãi quá hạn: 134.750.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Bùi Văn Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 2118-061962710 ngày 30 tháng 12 năm 2010, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Nếu ông Bùi Văn Q không trả được hoặc trả không đầy đủ khoản nợ nêu trên, bà Bùi Thị M không trả thay ông Q số nợ nêu trên thì sẽ phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng 705m² đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 69, 70A, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại thôn Dương Tiên, xã Trần Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K389384 ngày 01 tháng 10 năm 1997 cho ông Bùi Văn Q theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 97 ngày 28 tháng 12 năm 2010 để thu hồi nợ cho Ngân hàng N.

Trong trường hợp số tiền phát mại thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Bùi Văn Q phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N cho đến khi trả xong khoản vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Ông Bùi Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.468.750 đồng (mười tám triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001276 ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo. Ông Bùi Văn Q còn phải nộp 18.168.750 đồng (mười tám triệu một trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo theo Biên lai thu số 0015922 ngày 06 tháng 3 năm 2018.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện Vĩnh bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh bảo;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thu Hương

